**CÔNG TY: ……………………………………………**

**ĐỊA CHỈ: ……………………………………………..**

**SỐ ĐIỆN THOẠI: …………………………………...**

**BẢNG BÁO GIÁ**

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Theo thư mời chào giá số ……../BVĐHYD-KHĐT của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

| **TT** | **Tên dịch vụ** | **Yêu cầu kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Thành tiền**  **(đã bao gồm thuế)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Hội nghị** | | | | | |
| 1 | Phòng hội nghị trọn gói 03 ngày | * Địa điểm tổ chức: Trung tâm tổ chức Hội nghị hoặc khách sạn tiêu chuẩn 5\* tại Thành phố Đà Nẵng * Số lượng phòng Hội nghị: 03 phòng * Bố trí 03 phòng hội nghị được trang bị máy lạnh, trong đó: * 02 phòng hội nghị có diện tích tối thiểu 250m2 và có sức chứa tối thiểu 200 khách (200 chỗ ngồi: bố trí ghế, hàng đầu có bố trí bàn) phù hợp cho việc bố trí phòng họp theo kiểu chữ U, đảm bảo đủ không gian để bố trí sân khấu (diện tích ít nhất 6 x 2 m), bục phát biểu * 01 phòng hội nghị lớn với diện tích > 800m2, có chiều dài và chiều rộng tương ứng từ 32m và 25m, sức chứa tối thiểu 800 khách (800 chỗ ngồi: bố trí ghế, hàng đầu có bố trí bàn). * Kết cấu phòng Hội nghị: Không có cột để tránh che tầm nhìn của người tham dự, chủ tọa và báo cáo viên * Hệ thống âm thanh - ánh sáng – trình chiếu: * Theo tiêu chuẩn hội nghị * Micro: 4 cái cho mỗi hội trường * Màn hình LED P3 * Cung cấp đầy đủ bút, giấy (01 bộ/ người), bảng trắng, bút, bảng lật, hoa tươi trang trí (tại bục phát biểu và bàn chủ toạ); * Khu vực trưng bày: 02 khu vực, đặt cạnh Hội trường chính của hội nghị; trong đó: * 01 sảnh lớn với diện tích tối thiểu 400m2; * 01 sảnh nhỏ có diện tích tối thiểu 200m2**;** * Thời gian tổ chức dự kiến: 06/10 - 08/10/2022 * Ngày 06/10/2022: sử dụng 01 phòng hội nghị lớn * Ngày 07/10 – 08/10/2022: sử dụng 03 phòng hội nghị | Gói | 1 |  |  |
| **II.** | **Lưu trú** | | | | | |
| 1 | Phòng nghỉ cho Ban Tổ chức (04 đêm) | * Tiêu chuẩn 5\*, cách nơi tổ chức Hội nghị < 3km * Phòng (đôi/đơn) tiêu chuẩn * Diện tích mỗi phòng từ 40m2 trở lên. * Có hệ thống điều hòa nhiệt độ, truy cập internet tốc độ cao, TV màu, ăn sáng buffet. * Có ban công | Phòng | 10 |  | * Số lượng phòng sẽ được xác nhận trước 30 ngày diễn ra Hội nghị * Số lượng: * Tối thiểu: 06 * Tối đa: 10 |
| 2 | Phòng nghỉ cho khách mời, báo cáo viên (03 đêm) | * Tiêu chuẩn 5\*, cách nơi tổ chức Hội nghị < 3km * Phòng (đôi/đơn) tiêu chuẩn * Diện tích mỗi phòng từ 40m2 trở lên. * Có hệ thống điều hòa nhiệt độ, truy cập internet tốc độ cao, TV màu, ăn sáng buffet. * Có ban công | Phòng | 50 |  | * Số lượng phòng sẽ được xác nhận trước 30 ngày diễn ra Hội nghị * Số lượng: * Tối thiểu: 40 * Tối đa: 50 |
| **III** | **Ăn uống** | | | | | |
|  | **Yêu cầu chung:**   * Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm: Thực phẩm tươi, mới; thực phẩm được bảo quản bọc an toàn vệ sinh trong thời gian chưa mở tiệc; Chịu trách nhiệm đối với thực phẩm không đạt chất lượng. Trong trường hợp gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dùng phải bồi thường thiệt hại; * Cung cấp đĩa, nĩa, muỗng, tách, ly đầy đủ; * Bố trí nhân sự hỗ trợ khách dùng tiệc tối thiểu 4 người/phòng hội nghị, đảm bảo bổ sung vật dụng, thực đơn còn thiếu hoặc các vấn đề phát sinh trong quá trình diễn ra | | | | | |
| 1 | Tiệc nhẹ (Teabreak) sáng và chiều ngày 07/10/2022 và 08/10/2022 | * Thực đơn gồm: * Thức ăn: ít nhất 1 trong 2 loại bánh ngọt * Bánh muffin: đường kính 5cm ± 0,5cmx cao 2,5cm ± 0,5cm – 40g ± 5g * Bánh bông lan: dài 5cm ± 0,5cm x rộng 4cm ± 0,5cm x dày 1,5cm ± 0,5cm x 40g ± 5g * Trái cây, tùy thuộc theo mùa sẽ có các loại trái cây khác nhau bao gồm dưa hấu, thanh long, dứa, xoài, ổi với định lượng 50 ± 10 gram/ mỗi loại trái cây/ mỗi khách * Thức uống: 01 chai nước suối dung tích 330ml /khách/buổi, trà, cà phê và sữa. * Trang trí: Bố trí trong hoặc ngoài Hội trường | Người | 3.200 |  | * Số lượng sẽ được xác nhận trước 05 ngày diễn ra Hội nghị * Số lượng mỗi buổi: * Tối thiểu: 1.200 (300/buổi) * Tối đa: 3.200 (800 (/buổi) |
| 2 | Tiệc tối ngày 06/10/2022 và 08/10/2022  (dành cho báo cáo viên và Ban Tổ chức) | * Tại nơi tổ chức hội nghị, có không gian riêng cho tối thiểu 100 người, sắp xếp có bàn và ghế ngồi, có sân khấu và bục phát biểu; * Tiệc bàn (mỗi bàn 10 người): thực đơn gồm * 02 món khai vị: gỏi hải sản/gỏi gà/gỏi thịt heo và súp * 03 món chính: bò/gà, cá/hải sản, cơm chiên * Tráng miệng trái cây theo mùa/rau câu * 01 chai nước suối dung tích 330ml/ người | Người | 400 |  | * Số lượng sẽ được xác nhận trước 05 ngày diễn ra Hội nghị * Số lượng: * Tối thiểu: 120 * Tối đa: 200 |
| 3 | Tiệc trưa (lunch box) ngày 07/10/2022 và 08/10/2022 | * Phục vụ tại phòng hội nghị. * Thực đơn mỗi hộp lunch box gồm: * 02 món gỏi và rau * 01 món chính (gà hoặc cá) * Cơm trắng * Tráng miệng trái cây theo mùa/rau câu * Thức uống: 01 chai nước suối dung tích 330ml | Người | 1.600 |  | * Số lượng sẽ được xác nhận trước 05 ngày diễn ra Hội nghị * Số lượng: * Tối thiểu: 400 (200/ngày) * Tối đa: 1.600 (800/ngày) |
| 4 | Tiệc tối ngày 07/10/2022 | * Tại nơi tổ chức hội nghị, có không gian riêng, sức chứa tổi thiểu là 700 người, sắp xếp có bàn và ghế ngồi, có sân khấu và bục phát biểu; * Tiệc bàn (mỗi bàn 10 người): thực đơn gồm: * 02 món khai vị: gỏi và súp * 04 món chính: bò, tôm, heo, gà, bánh mỳ * Tráng miệng: chè hoặc trái cây hoặc kem * Thức uống: 01 chai nước suối dung tích 330ml/ người * Hệ thống âm thanh - ánh sáng theo tiêu chuẩn hội nghị. | Người | 800 |  | * Số lượng sẽ được xác nhận trước 05 ngày diễn ra Hội nghị * Số lượng: * Tối thiểu: 300 * Tối đa: 800 |
| **IV.** | **Vé máy bay** |  |  |  |  |  |
| 1 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Haneda hoặc Narita Tokyo – Đà Nẵng - Haneda hoặc Narita Tokyo * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 8 |  |  |
| 2 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Chubu Centrair International, Nagoya, Japan – Đà Nẵng - Chubu Centrair International, Nagoya, Japan * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 1 |  |  |
| 3 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Incheon, Seoul (Hàn Quốc) – Đà Nẵng - Incheon, Seoul (Hàn Quốc) * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 5 |  |  |
| 4 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Sân bay Phúc Châu (Phúc Kiến - Trung Quốc) – Đà Nẵng - Sân bay Phúc Châu (Phúc Kiến - Trung Quốc) * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 1 |  |  |
| 5 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Hongkong – Đà Nẵng - Hongkong * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 2 |  |  |
| 6 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Houston, Texas, USA – Đà Nẵng - Houston, Texas, USA * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 1 |  |  |
| 8 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Melbourne (Australia) – Đà Nẵng - Melbourne (Australia) * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 1 |  |  |
| 9 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Changi International Airport (Singapore) – Đà Nẵng - Changi International Airport (Singapore) * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 5 |  |  |
| 10 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Kuala Lumpur International Airport (Malaysia) – Đà Nẵng - Kuala Lumpur International Airport * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 2 |  |  |
| 11 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Bangkok (Thái Lan) – Đà Nẵng - Bangkok (Thái Lan) * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 1 |  |  |
| 12 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: TPHCM – Đà Nẵng - TPHCM * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 34 |  |  |
| 13 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Cần Thơ – Đà Nẵng – Cần Thơ * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 1 |  |  |
| 14 | Vé máy bay khứ hồi | * Loại vé: vé khứ hồi, phổ thông linh hoạt * Hành trình chi tiết: Hà Nội – Đà Nẵng – Hà Nội * Hành lý: 1 kiện 20 kg * Thời gian dự kiến: 25/09/2022 – 10/10/2022 * Ngày khởi hành chính xác được thông báo trước 10-15 ngày | Vé | 4 |  |  |

Báo giá này có hiệu lực từ ngày ….. / ….. / ….. đến ngày ….. / ….. / …...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | Ngày … tháng …. năm ….  **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  (Ký tên và đóng dấu) |